

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 8 năm 2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Ông Ngô Văn Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền- Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND TP. Bắc Giang: Ông Vũ Thanh Tùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Khổng Thị L, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Tạm trú: Thôn Đồng Quan, xã Đồng Sơn, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2018, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Khổng Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 05/12/2007 trước khi kết hôn các bên có thời gian tìm hiểu, gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới chị về nhà anh T làm dâu, vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng tại địa chỉ thôn Ngò, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu khi về sống chung cuộc sống vợ chồng đã

không có hạnh phúc, khi về sống chung chị phát hiện anh T có quan hệ ngoại tình và hay chơi cờ bạc, chị có khuyên bảo nhiều lần, anh T hứa sửa chữa. Đến năm 2014 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân vẫn là do anh T có quan hệ ngoại tình và hay chơi cờ bạc, chị đã về nhà bố đẻ chị ở được hai tháng, sau đó được gia đình hai bên hòa giải và anh T lại hứa sửa chữa, chị lại về nhà anh T ở, đến tháng 3/2017 do anh T đánh đập chị, chị lại về nhà bố đẻ chị ở, sau đó anh T lại xin lỗi chị và chị về chung sống với anh T đến đầu năm 2018 chị không chịu đựng được chị đã về nhà bố đẻ chị ở tại thôn D, xã D, TP. B, tỉnh Bắc Giang từ đó đến nay giữa chị và anh T cũng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 11/8/2008 và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 16/4/2014. Cháu D đang ở với anh T, cháu Q đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng. Trường hợp chị được giao nuôi dưỡng 01 con chung thì chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm công nhân tại Công ty điện tử Samsung, thu nhập hàng tháng là 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa chị L trình bày: Hiện hai cháu đang ở với anh T, khi ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Q, còn cháu D thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp chị được nuôi một cháu, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Thời gian chung sống với gia đình nhà chồng, chị có đóng góp công sức vào khối tài sản chung của gia đình nhà chồng, chị không có yêu cầu gì. Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2018, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Không Thị L kết hôn ngày 05/12/2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, TP. Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về ở chung cùng nhà với gia đình anh tại thôn Ngò, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do anh chơi cờ bạc nên nợ nần và do chị L cho rằng anh ngoại tình. Từ khi vợ chồng kết hôn anh đã chơi cờ bạc, xóc đĩa nhưng lúc đó anh chơi với số tiền nhỏ nên không vay nợ ai. Năm 2016 anh làm ăn thua lỗ nên phải vay nợ một số người. Đến năm 2017 thì anh chơi cờ bạc nhiều nên lại vay nợ tiếp. Đến nay anh đã trả hết nợ do chơi cờ bạc. Anh có quan hệ thân thiết với một người bạn gái do chị này giúp đỡ anh nhiều trong lúc anh nợ nần. Anh không ngoại tình nhưng không giải thích được cho chị L hiểu. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, gia đình anh có khuyên giải nhưng không có kết quả. Quá trình vợ chồng chung sống, rất nhiều lần chị L bỏ về nhà bố đẻ ở. Chị L đã đưa hai con bỏ về nhà bố đẻ ngày 17/02/2018 âm lịch, từ đó đến nay chị L không quay về sống chung với anh nữa.

Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L, nghĩ đến các con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn và muốn vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 11/8/2008 và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 16/4/2014. Sau khi chị L đưa hai con về nhà bố đẻ ngày 17/02/2018 âm lịch thì ngày hôm sau anh đã đón hai cháu về ở với anh và chỉ cho chị L đón các cháu ngày thứ bảy, chủ nhật hàng tuần. Hiện nay cháu D đang ở với anh, còn cháu Q đang ở với chị L. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh đề nghị được nuôi cả hai con. Anh không đồng ý để chị L nuôi dưỡng con chung. Hiện nay anh đang làm sửa chữa ô tô lưu động, anh làm tự do, thu nhập một tháng khoảng 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Mạnh D trình bày: Cháu là con của mẹ L và bố T. Hiện cháu đang ở cùng bố và ông bà nội, còn em Qt thì đang ở với mẹ. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu muốn được ở với bố.

+ Tại biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960, trú tại thôn N, xã T, thành phố B là bố đẻ của anh T trình bày: Ông ở cùng nhà với anh T. Anh T và chị L kết hôn năm 2007. Sau khi kết hôn chị L về nhà ông làm dâu. Vợ chồng anh T thỉnh thoảng có cãi nhau, có một lần xô xát, anh T có cầm gạch ném để dọa chị L, chị L không bị thương gì. Chị L và anh T chung sống 10 năm thì đã 03 lần

chị L bỏ về nhà ngoại ở, nguyên nhân khiến chị L bỏ về là gì thì ông không rõ. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, hiện các cháu đang ở cùng anh T và ông bà nội. Đến cuối tuần chị L đón 02 cháu về nhà ngoại chơi. Về tài sản chung thì vợ chồng không có.

- Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Tại phiên tòa hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự như không tham gia phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và xử cho chị Không Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Tình; Về con chung: Giao cho anh T nuôi con chung là cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 11/8/2008, giao cho chị L nuôi con chung là cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 16/4/2014; Về án phí: Chị Không Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục thiếu sót: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh T là phù hợp với qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Không Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 05/12/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Yên Dũng (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn và được UBND xã T, huyện Yên Dũng (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang cấp

giấy chứng nhận kết hôn là phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Chị L và anh T đều xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng có xảy ra xô xát, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Từ đầu năm 2018 chị L về chung sống với bố mẹ đẻ chị L, vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Không Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 11/8/2008 và cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 16/4/2014. Khi ly hôn chị L và anh T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung thì thấy: Về điều kiện kinh tế chị L và anh T đều có việc làm và có thu nhập, nhưng hiện tại cháu Q mới được 4 tuổi cần có sự chăm sóc nhiều hơn của người mẹ, còn cháu D có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy, để các cháu có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường cần giao cháu Q cho chị Tính nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết vì các bên không yêu cầu

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L và anh T xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Không Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Khổng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 16/4/2014 cho chị Khổng Thị L nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 11/8/2008 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Khổng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/06763 ngày 21/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKS TP. B;
- CCTHA dân sự TP;
- Các đương sự;
- UBND xã T, TP. B, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo